

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 349/TTr-SNNMT ngày 26/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Điện tử QC Solar (VietNam), địa chỉ tại nhà xưởng CN-10-02, lô CN-10, khu công nghiệp Vân Trung, phường Nénh, tỉnh Bắc Ninh¹ được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Dự án sản xuất và gia công các linh kiện, phụ kiện của tấm pin năng lượng mặt trời QC Solar (VietNam)” tại một phần lô CN -10, KCN Vân Trung, phường Nénh, tỉnh Bắc Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Dự án sản xuất và gia công các linh kiện, phụ kiện của tấm pin năng lượng mặt trời QC Solar (VietNam).

1.2. Địa điểm hoạt động: Một phần lô CN-10, KCN Vân Trung, phường Nénh, tỉnh Bắc Ninh.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định

¹ Trước đây là phường Vân Trung, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

thành lập:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số là 2400817713 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Giang (nay là Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh) cấp lần đầu ngày 03/7/2017, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 20/03/2024.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 9835551375 do Ban quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang (nay là Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh) cấp lần đầu ngày 30/6/2017, chứng nhận thay đổi lần 2 ngày 07/3/2022.

1.4. Mã số thuế: 2400817713.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

- Sản xuất và gia công lắp ráp các linh kiện, phụ kiện của tấm pin năng lượng mặt trời (cụ thể là sản xuất nắp trên và mặt đế của hộp kết nối, dây điện hộp kết nối và lắp ráp dây hộp kết nối).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

1.6.1. Diện tích: 5.337,4 m².

1.6.2. Nhóm dự án:

Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

+ Cơ sở có tiêu chí về môi trường thuộc Nhóm III theo quy định tại Phụ lục V (STT 2) ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

1.6.3. Công suất và quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất được xem xét cấp phép tại Giấy phép môi trường:

* Công suất:

TT	Mục tiêu hoạt động	Quy mô	
		Số lượng (Đơn vị/năm)	Khối lượng (Tấn/năm)
1	- Sản xuất và gia công lắp ráp các linh kiện, phụ kiện của tấm pin năng lượng mặt trời (cụ thể là sản xuất nắp trên và mặt đế của hộp kết nối, dây điện hộp kết nối và lắp ráp dây hộp kết nối)	6.000.000 (bộ/năm)	550

* Quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất:

- Quy trình sản xuất nắp trên và mặt đế của hộp kết nối, lắp ráp dây hộp kết nối: Cắt dây cáp → Lắp ráp dây kết nối → Dán tem và kiểm tra ngoại

quan → Tán đinh để gắn dây cáp vào thân hộp → Hàn tán đinh, hàn tay → Dùng súng nóng để gắn kẹp → Kiểm tra ngoại quan → Kiểm tra công năng sản phẩm → In Leser (mã vạch) → Cuộn, buộc dây hộp kết nối → Kiểm tra bề mặt hộp kết nối → Đóng gói bằng thùng giấy.

- Quy trình sản xuất dây điện hộp kết nối: Kiểm tra nguyên liệu đầu vào → Máy ép nhựa → Kiểm tra ngoại quan → In chữ → Đóng gói → Nhập kho → Gia công bức xạ → Nhập kho.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố chất thải quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

3. Nội dung xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh: Không.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

3.1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

3.2. Công ty TNHH Điện tử QC Solar (VietNam) có trách nhiệm:

- Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

- Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường được cấp và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường được cấp và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Báo cáo kịp thời với Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh nếu xảy ra các sự cố đối với công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

- Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường được cấp, phải kịp thời báo cáo đến Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh để kiểm tra, xem xét, giải quyết theo quy định.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Dự án sản xuất và gia công các linh kiện, phụ kiện của tấm pin năng lượng mặt trời QC Solar (VietNam)” theo quy định của pháp luật.

Sở Nông nghiệp và Môi trường, Đoàn kiểm tra cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 26/QĐ-SNNMT ngày 08/01/2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu và kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Dự án sản xuất và gia công các linh kiện, phụ kiện của tấm pin năng lượng mặt trời QC Solar (VietNam)”.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh; Công ty TNHH Điện tử QC Solar (VietNam) và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép môi trường này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, THĐT; Trung tâm Thông tin tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (trả kết quả);
- Phòng QLMT-Sở NN&MT (lưu hồ sơ);
- Lưu: VT, KTN_{Tân}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Quang Khải

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày.đêm của cơ sở để xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Vân Trung do Công ty TNHH Fugiang (chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp) xây dựng và quản lý vận hành để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, sau đó thải ra môi trường (Theo hợp đồng dịch vụ thoát nước số 012/HĐXLNT-VT/2017 ngày 03/07/2017 giữa Công ty TNHH Fugiang và Công ty TNHH Điện tử QC Solar (VietNam)), cơ sở không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

Cơ sở không phát sinh nước thải từ quá trình sản xuất.

Đối với nước thải nhiễm dầu phát sinh máy nén khí khoảng 5kg/năm, chủ cơ sở thu gom và thuê đơn vị đem đi xử lý như chất thải nguy hại.

Vì vậy, Cơ sở không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 9 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh sau khi xử lý sơ bộ tại 02 bể tự hoại 3 ngăn với dung tích mỗi bể là 18 m³ theo đường ống nhựa uPVC D42 thoát về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10m³/ngày đêm để xử lý đạt tiêu chuẩn của KCN trước khi thoát ra ngoài hệ thống thu gom nước thải của KCN.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Lắp đặt 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m³/ngày đêm, cụ thể:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Nước thải đầu ra đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B sau đó được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Vân Trung.

- Công suất thiết kế: 10 m³/ngày đêm.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Hóa chất khử trùng (Chlorine 70%); Mật rỉ đường.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành).

- Thường xuyên bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, đảm bảo thay thế và bảo dưỡng các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Đảm bảo quy trình vận hành trạm xử lý nước thải và cụm bể xử lý theo đúng kỹ thuật, tuân thủ định mức hóa chất.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: Máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải:

- Phải dừng hoạt động công trình xử lý để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị máy móc của công trình xử lý và phải dừng hoạt động để khắc phục sự cố trong vòng 1 ngày, thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đi xử lý.

- Nước thải qua công trình xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

+ Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể chứa nước thải sau xử lý, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

+ Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra hiệu quả lắng của bể lắng.

Tương tự đối với từng thông số sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý cần liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải do nước thải sau xử lý của cơ sở được đầu nối vào hệ thống

thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Vân Trung (theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đạt tiêu chuẩn tiếp nhận và đấu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Vân Trung, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành các công trình xử lý nước thải./.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /QĐ-UBND
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- + Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn tán đỉnh
- + Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn tay
- + Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ công đoạn in laser.
- + Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ công đoạn ép nhựa.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

Dòng khí thải: 02 dòng khí thải.

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: dòng khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn hàn tán đỉnh, hàn tay, in laser (từ nguồn số 01; 02; 03). Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2350360; Y = 411306

- Dòng khí thải số 02: dòng khí thải sau hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn ép nhựa (từ nguồn số 04). Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2350415; Y = 411320.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107⁰⁰, múi chiếu 3⁰)

- Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của cơ sở có địa chỉ tại KCN Vân Trung, phường Nénh, tỉnh Bắc Ninh.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 16.000 m³/giờ, trong đó:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 6.000 m³/giờ;
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 10.000 m³/giờ.

2.3. Phương thức xả khí thải: Bụi, khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí tương ứng, xả liên tục trong quá trình hoạt động.

2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột B, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 19:2024/BTNMT, cột B	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng thải 1				
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Bụi PM	mg/Nm ³	≤ 80		

3	Cu	mg/Nm ³	≤ 5		
II Dòng thải 2					
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Etylen oxyt	mg/Nm ³	≤ 15		
3	Propylen oxyt	mg/Nm ³	≤ 40		

- Ghi chú: “-”: Không quy định.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải từ công đoạn hàn tán đỉnh, hàn tay, in laser sẽ được thu gom bằng đường ống có kích thước DxR: 400x400 (mm) dài khoảng 30m. Sau đó dòng khí thải sẽ được thu gom dưới hoạt động của quạt hút ly tâm công suất 6.000 m³/giờ dẫn vào tháp hấp phụ than hoạt tính.

- Khí thải, mùi từ công đoạn ép nhựa sẽ được thu gom bằng đường ống vuông có kích thước DxR: 300x300 (mm) dài khoảng 20m và ống tròn đường kính D250mm dài khoảng 8m sau đó vào đường ống dẫn chính kích thước 400x400 (mm) dài khoảng 8m. Dưới hoạt động của quạt hút ly tâm công suất 10.000 m³/giờ dòng khí thải sẽ được dẫn vào tháp hấp phụ than hoạt tính.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Tóm tắt quy trình xử lý khí thải (02 hệ thống xử lý khí thải có công nghệ xử lý tương tự nhau): Khí thải → ống hút → Đường ống dẫn khí → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí thải (*Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT, cột B*).

- Công suất thiết kế:

+ Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn hàn tán đỉnh, hàn tay, in laser: 6.000 m³/giờ.

+ Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn ép nhựa: 10.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý khí thải

- Luôn dự trữ trong kho của cơ sở đầy đủ các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải, đặc biệt là các thiết bị hay hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn khí, quạt hút... trong hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn, đồng thời dừng hoạt động tại các điểm có sự cố và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của nhân viên cơ điện và nhân viên phụ trách vận hành hệ thống xử lý khí thải tại cơ sở, hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Định kỳ 03 tháng/lần kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải để phát hiện hỏng hóc và sửa chữa kịp thời.

- Có nhật ký ghi chép quá trình theo dõi, giám sát vận hành, các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn tại nhà máy, đồng thời dừng hoạt động và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 4/2026 đến tháng 6/2026.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- 01 hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn hàn tán đỉnh, hàn tay, in laser.

- 01 hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn ép nhựa.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 01 vị trí tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn hàn tán đỉnh, hàn tay, in laser.

- 01 vị trí tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn ép nhựa.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày

28/02/2025 và theo báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của chủ cơ sở.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu ra môi trường.

3.4. Kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định./.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

+ Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực máy bơm của hệ thống xử lý nước thải.

+ Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực quạt hút của hệ thống xử lý khí thải.

+ Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực in laser

+ Nguồn số 04: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực ép nhựa

+ Nguồn số 05: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực hàn

+ Nguồn số 06: Tiếng ồn, độ rung từ khu vực máy phát điện dự phòng

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

- Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNNMT
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (*khu vực E - Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và các công trình công nghiệp theo quy định pháp luật*), cụ thể như sau:

Ngày (06h00 đến trước 18h00) (dBA)	Tối (18h00 đến trước 22h00) (dBA)	Đêm (22h00 đến trước 6h00) (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
70	65	60	Không thuộc đối tượng	Khu vực E

2.2. Độ rung:

- Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2025/BNNMT
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (*khu vực D - Khu sản xuất, kinh*

doanh, dịch vụ tập trung và các công trình công nghiệp theo quy định pháp luật), cụ thể như sau:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ban ngày (06:00 ~ trước 22:00)	Ban đêm (22:00 ~ trước 06:00)		
1	75	70	Không thuộc đối tượng	Khu vực D

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

+ Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, tiến hành khắc phục khi máy có hiện tượng lỗi; các thiết bị không sử dụng được tắt giảm thiểu tác động cộng hưởng giữa các thiết bị.

+ Trang bị nút tai cho công nhân, người lao động khi làm việc trong môi trường có tiếng ồn lớn.

+ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại các xưởng sản xuất; có chế độ cho những vị trí việc làm chịu ảnh hưởng lớn của hoạt động sản xuất theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; tổ chức khám chữa bệnh định kỳ cho cán bộ, công nhân.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

+ Lắp đệm cao su chống rung cho các máy móc, thiết bị có độ rung cao.

+ Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, tiến hành khắc phục khi máy có hiện tượng lỗi; các thiết bị không sử dụng được tắt giảm thiểu tác động cộng hưởng giữa các thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

Tổng số lượng CTNH phát sinh thường xuyên là 30 kg/năm.

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên:

Tổng số lượng phát sinh là 4.580 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Dự kiến tổng số lượng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt là 33 kg/ngày.

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh:

- Dự kiến tổng số lượng phát sinh chất thải công nghiệp phải kiểm soát là 1.856 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Kho chứa chất thải nguy hại: 01 kho.

- Diện tích kho chứa: 18 m².

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường: 01 kho.

- Diện tích kho chứa: 28 m².

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt: 01 kho

- Diện tích kho chứa: 24 m².

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải theo quy định tại Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường./.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty TNHH Điện tử QC Solar (VietNam) có trách nhiệm thực hiện:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh cơ sở.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở; định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành thường xuyên công trình xử lý nước thải tại cơ sở để thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Vân Trung và đấu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Vân Trung, không xả thải trực tiếp ra môi trường, không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý khí thải để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh của cơ sở đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP), Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa

đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT).

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố chất thải theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường được cập có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.